

Bản án số: **109/2024/HNGĐ - ST**
Ngày: 06 - 12 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Chín
- Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXX - ST ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 7, xã Mi, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 7, xã Mi, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Bùi Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2005, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mi, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 10/9/2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi người một tính cách không hợp nhau. Nay mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th và anh Đ có 01 người con chung là cháu Bùi Minh T, sinh ngày 21/11/2007. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2024, bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng tới năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mi, huyện B. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý.

Về con chung: Chị Th và anh Đ có 01 người con chung là cháu Bùi Minh T, sinh ngày 21/11/2007. Khi ly hôn anh Đ đồng ý giao cháu T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn vì đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Th; về con chung: Giao cháu Bùi Minh T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn Đ. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã Mi, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với sự vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Th và anh Đ đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th và anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Mi, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 10/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã Mi, huyện B đã được chị Th giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị Th đều thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do đó, nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Th.

[5] Về con chung: Chị Th và anh Đ có 01 người con chung là cháu Bùi Minh T, sinh ngày 21/11/2007. Anh Đ và chị Th thống nhất giao cháu T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị Th và anh Đ, giao cháu T cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Th và anh Đ không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh Đ và chị Th không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Anh Đ và chị Th không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th về việc xin ly hôn. Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Bùi Minh T, sinh ngày 21/11/2007 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Th và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Th và anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp trước là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0009443 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Minh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào